TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15/9/2017
V/v Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Xuân Thủy, Phó chủ tịch UBND xã Ngọc Lương
2. Ông: Vũ Mạnh Tùng, Phó chủ tịch Hội khuyến học huyện Yên Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2017 về việc kiện "Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2017/QĐHPT-ST ngày 08/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1992
Địa chỉ: Xóm Sào, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình
2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1992
Địa chỉ: Xóm Yên Tân, xã Lạc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05/7/2017, bản tự khai ngày 21/7/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Bùi Văn T1 trình bày:

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 92 ngày 27/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã ghi nhận sự thỏa thuận của anh và chị Q về phần con chung là giao cháu Bùi Thị Kim N, sinh ngày 01/8/2013 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục và anh có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị Q mỗi tháng 500.000^{đ} (Năm trăm nghìn đồng) từ tháng 10/2015.

Sau khi ly hôn anh vẫn chu cấp nuôi con hàng tháng. Hiện nay chị Q đã xây dựng hạnh phúc với người đàn ông khác. Người chồng mới của chị Q bị câm điếc, hoàn cảnh gia đình chị Q rất khó khăn không đảm bảo cho cuộc sống của cháu N, có lần anh xuống thăm con anh thấy chị Q phải đưa con theo đi làm đồng và mỗi lần anh đến thăm con, muốn đón con về chơi thì chị Q ngăn cản, không cho đón con mặc dù anh vẫn chu cấp nuôi con chung hàng tháng đầy đủ. Còn đối với anh hiện anh cũng đã kết hôn với chị Vì Thị L, có 01 con chung nhưng anh và chị L có sức khỏe, có thu nhập, anh làm nghề thợ xây, chị L phụ hồ và có hơn 9 hecta đất trồng keo, trồng nứa, canh tác đất nông nghiệp 5000m^2, chăn nuôi gà, lợn; cuộc sống gia đình có thu nhập ổn định, bản thân anh, vợ anh và bố mẹ đều khỏe mạnh; có 02 nhà sàn (01 nhà lợp ngói đỏ, xây trụ, đổ bê tông kiên cố và 01 nhà bằng gỗ, cột trụ bằng gỗ đặc, xung quanh là phên gỗ) và cả gia đình đều yêu thương cháu N, cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu. Anh thấy mình có đủ điều kiện để nuôi cháu Bùi Thị Kim N. Vì vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn cụ thể cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu N và anh chưa yêu cầu chị Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2017, biên bản hòa giải các ngày 24/7/2017; 11/8/2017 và tại phiên tòa bị đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T1 đã ly hôn, tất cả những nội dung anh T1 khai là đúng. Sau khi ly hôn với anh T1, ngày 18/5/2016 chị kết hôn với anh Bùi Văn T2. Chị, anh T2, cháu N sống cùng với mẹ chồng và hai em chồng. Chị và anh T2 không có tài sản riêng nên chưa có điều kiện ra ở riêng mà còn phải phụ thuộc vào gia đình anh T2 . Cả gia đình 6 người sống trong một ngôi nhà sàn cột chính bằng gỗ, xung quanh, lòng sàn nhà đan bằng phên nứa, nhà đã cũ nát. Anh T2 bị câm điếc nên cũng có hạn chế về nhiều mặt nhưng vẫn lao động được và đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội là 405.000^đ/tháng còn chị làm ruộng phụ thuộc vào vụ mùa nên không tính được thu nhập cụ thể mỗi tháng là bao nhiêu nhưng có em anh T2 đi làm công ty mỗi tháng gửi về 2.000.000^đ (Hai triệu đồng) cho gia đình để chi tiêu. Còn đối với cháu N thì anh Bùi Văn T1 vẫn đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 500.000^đ (Năm trăm nghìn đồng) và chị vẫn cho anh T1 thăm nom, đón cháu N, chỉ có lần anh T1 đón cháu N về nhưng trả không đúng hẹn, quá 1 ngày nên chị mới không cho đón và có xảy ra va chạm. Nay anh Bùi Văn T1 khởi kiện xin được nuôi cháu N mặc dù anh T1 có điều kiện hơn chị về mọi mặt nhưng chị vẫn mong muốn anh T1 suy nghĩ lại cho chị được tiếp tục nuôi cháu N và chị cũng chưa yêu cầu anh T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán, thư ký, HĐXX đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục, trình tự

quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 đề nghị Tòa án xử:

1. Cho chị Bùi Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Thị Kim N, chị Q chưa yêu cầu anh T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

3. Quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Bùi Văn T1 làm đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2017, trong đơn có ghi bị đơn chị Bùi Thị Q, trú tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Do đó, việc anh T1 khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Đây là vụ kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được quy định tại khoản 3 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 92 ngày 27/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Bùi Văn T1 và chị Bùi Thị Q, giao con chung là cháu Bùi Thị Kim N, sinh ngày 01/8/2013 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh T1 có trách nhiệm đóng góp nuôi cháu Ngân mỗi tháng 500.000^{đ} (Năm trăm nghìn đồng) từ tháng 10/2015 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Từ khi quyết định số 92 có hiệu lực pháp luật, anh T1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ. Nhưng trong quá trình nuôi dưỡng cháu N chị Q đã không thực hiện tốt trách nhiệm nuôi dưỡng mỗi lần anh T1 đến thăm con đều thấy chị Q phải đưa con theo ra đồng làm việc trời nắng, trời mưa, ngăn cản không cho anh T1 thăm con, đón con. Hơn nữa chị Q đã kết hôn với anh Bùi Văn T2 bị câm điếc, không có ngôn ngữ, sức khỏe yếu; anh T1, chị Q lại không có tài sản riêng, sống chung và hoàn toàn phụ thuộc vào gia đình nhà chồng, đứng tên chủ hộ là bà Bùi Thị O và hộ bà Bùi Thị O thuộc hộ nghèo của xã Lạc Lương. Vì vậy anh T1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy giao cháu N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và anh chưa yêu cầu chị Q phải đóng góp cấp dưỡng.

Xét đối với yêu cầu của anh T1 Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi ly hôn với chị Q, anh đã kết hôn với chị Vì Thị L và sống cùng với bố mẹ đẻ, có 01 con chung, anh làm nghề thợ xây, chị L phụ hồ, ngoài ra anh chị còn làm nghề trồng rừng (keo, nứa), có 02 nhà sàn (01 nhà sàn lợp ngói đỏ, xây trụ đổ bê tông kiên cố

và 01 nhà sàn bằng gỗ, cột trụ bằng gỗ đặc, xung quanh là phên gỗ), có 5000m^2 ruộng canh tác, có hơn 9 hecta đất đồi trồng cây keo, nứa, có nuôi bò, lợn, gà. Kinh tế gia đình ổn định, thu nhập của anh T1 là 5.000.000^đ/tháng và tổng thu nhập của cả gia đình là 10.000.000^đ/tháng. Vì vậy xét đối với yêu cầu của anh T1 là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Từ những nhận định trên, căn cứ vào điều 84 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn T1.

Xét đối với yêu cầu của chị Q: Chị cũng muốn giành quyền nuôi con nhưng chị không có các điều kiện về mọi mặt đảm bảo cho cuộc sống cho cháu N. Bởi lẽ, chị Q kết hôn với anh T2 bị câm điếc, không có ngôn ngữ, không có khả năng lao động, phải hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng 405.000^đ (Bốn trăm linh năm nghìn đồng). Chị và anh T2 không có tài sản riêng, sống phụ thuộc vào gia đình. Các thành viên trong gia đình gồm 6 người, đứng tên chủ hộ là bà Bùi Thị O và tất cả sống chung trong một ngôi nhà sàn cũ (cột chính bằng gỗ, xung quanh, lòng sàn nhà đan bằng phên nứa), thu nhập không ổn định, kinh tế khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo của xã Lạc Lương theo giấy chứng nhận hộ nghèo số 189/GCN-HN.CN của Ủy ban nhân dân xã Lạc Lương ngày 01/01/2017. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không yêu cầu chị Q đóng góp cấp dưỡng nên chị Q không phải đóng góp cấp dưỡng.

Về quyền thăm nom con chung: Chị Bùi Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Căn cứ điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 đề nghị Tòa án xử:

1. Cho chị Bùi Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Thị Kim N, chị Q chưa yêu cầu anh T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

3. Quyền kháng cáo của đương sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thấy rằng: Tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Trong vụ án cháu Bùi Thị Kim N sinh ngày 01/8/2013, tính đến ngày xét xử 15/9/2017 cháu N được 4 tuổi 1 tháng 13 ngày. Đại diện Viện kiểm sát không đánh giá một cách toàn diện, khách quan, không xem xét đến các điều kiện cần thiết cho sự phát triển của 1 đứa trẻ, không xem xét về các căn cứ pháp luật quy định mà chỉ

đi sâu về tình cảm giữa người mẹ và con nên đã đề nghị giao cháu N cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là không có căn cứ vì chị Q không có đủ các điều kiện về mọi mặt để đảm bảo nuôi cháu N.

[5] Về án phí: Anh T1 phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 144, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T1

2. Giao cháu Bùi Thị Kim N sinh ngày 01/8/2013 cho anh Bùi Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh T1 không yêu cầu chị Bùi Thị Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị Q không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn T1 phải nộp 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000[đ] (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003722 ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Anh T1 đã nộp đủ án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn anh Bùi Văn T1, bị đơn chị Bùi Thị Q có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Đào

Lê Thị Đào

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- Viện kiểm sát
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Thị Đào

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận*:**
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- Viện kiểm sát
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Đào

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Thị Đào